

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02142**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Luật Lao động**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989				10	9.0	7.5			8.0		8.2
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990				8	7.0	8.0			8.0		7.8
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984				9	8.5	7.5			8.0		8.1
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993				10	9.5	8.0			8.0		8.4
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999				9	9.0	7.0			9.0		8.7
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987				9	9.5	9.5			9.5		9.5
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991				9	8.5	8.5			8.5		8.5
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979				10	7.0	8.0			7.0		7.4
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971				10	7.0	8.0			8.5		8.3
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982				10	7.5	8.5			8.0		8.2
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992				10	9.0	8.0			7.5		8.0
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992				10	8.5	8.5			10.0		9.5
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992				10	8.0	8.0			9.0		8.8
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984				9	8.5	7.0			9.5		8.9
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988				10	9.5	8.5			9.5		9.4
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989				10	9.0	7.5			9.0		8.8
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993				10	9.0	7.5			9.0		8.8
18	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974				9	8.0	7.5			8.5		8.3
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989				9	8.5	8.0			7.5		7.9

Châu Đốc, ngày 21 tháng 12 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Xoàn